**Mẫu 3**

Mỗi khi nhắc đến những nhà văn viết tùy bút xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam chúng ta không thể không nhắc tới nhà văn Nguyễn Tuân. Vùng đất Tây Bắc với những núi cao, thác ghềnh hiểm trở đã lôi cuốn ngòi bút của Nguyễn Tuân, để rồi năm 1960 ông xuất bản tập Tùy bút Sông Đà trong đó có tùy bút Người lái đò sông Đà. Hình tượng nghệ thuật xuyên suốt tác phẩm là hình ảnh ông lái đò Lai Châu được nhà văn tiếp cận tài hoa – nghệ sĩ.

Ông lái đò năm nay khoảng chừng bảy mươi tuổi, ông sinh ra và lớn lên ngay bên bờ sông Đà “quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh”. Ông có một ngoại hình đặc biệt, mang đậm dấu ấn nghề nghiệp: thân hình ông cao lớn “gọn quánh như chất sừng, chất mun”, “tay dài lêu nghêu như cái sào”, “chân lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh như gò lại kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng” rồi “giọng ông ào ào như tiếng nước thác”. Mọi thứ của ông giờ đây như đã hòa nhịp với con sông lúc hung hãn lúc lại dịu êm này, họ hòa vào nhau theo năm tháng, hòa vào nhau trong từng hơi thở nhịp nhàng, ăn ý một cách đến lạ lùng.

Đối với ông lái đò thì sông Đà như một bản trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than, chấm câu và cả những đoạn xuống dòng. Ông “nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào trong lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở”, “nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá”, làm chủ được dòng sông. Đó là tư thế và sự hiểu biết của con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ hoàn cảnh. Ông hiểu về con sông cặn kẽ như hiểu chính bản thân mình vậy, có hiểu ông mới ngự trị, mới làm bạn được với nó. Thật đúng là “thứ vàng mười đã qua thử lửa” giống như cách mà nhà văn Nguyễn Tuân vẫn nói.

Nếu ai đó nghĩ rằng chở đò là một nghề dễ dàng chỉ cần đến sức khỏe thì chắc hẳn người đó đã nhầm. Chở đò là một nghệ thuật đòi hỏi ở người lái đò sự thông minh, khôn khéo, trí dũng, tài ba. Cuộc chiến giữa ông lái đò và sông Đà là một cuộc chiến không cân sức. Bởi sông Đà có một lực lượng hùng hậu nào thì vách đá, nào thì những cái hút nước xoay tít sâu hun hút và cả những hàng chông đá nằm ngầm dưới lòng sông nữa.

Ấy vậy mà ông lão chỉ có một mình “đơn phương độc mã” chiến đấu, vũ khí duy nhất có trong tay là cán chèo. Để chiến đấu với một sông Đà quỷ quyệt trong việc bày binh bố trận thì ông lái đò càng phải nắm chắc tay chèo, giữ vững tinh thần và đặc biệt phải “nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá” thì mới có thể thắng được trong trận đấu sinh tử này.

Trận thủy chiến diễn ra căng thẳng đến nghẹt thở với ba “hiệp đấu”. Ở vòng vây thứ nhất thác sông Đà mở ra “năm cửa trận”, có bốn “cửa tử”, một “cửa sinh”. Cửa sinh nằm “lập lờ ở phía tả ngạn”. Khi con thuyền xuất hiện, phối hợp với đá, nước thác reo hò làm “thanh viện” cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Có hòn đá trông nghiêng thì y như là đang hỏi cái thuyền “phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến”. Hòn đá khác thì lùi lại một chút và “thách thức” cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào.

Không một chút nao núng, ông đò hai tay giữ mái chèo để khỏi bị hất lên khi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Nhìn thấy con thuyền và người lái đò, mặt nước “hò la vang dậy”, ùa vào mà “bẻ gãy cán chèo”. Sóng nước thì như thể quân liều mạng, vào sát nách mà “đá trái mà thúc gối” vào bụng và hông thuyền, có lúc chúng “đội cả thuyền lên”. Nước bám lấy thuyền như đô vật “túm lấy thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra”. Ông đò đã bị thương, nhưng ông “cố nén vết thương”, hai chân vẫn “kẹp chặt lấy cuống lái”.

Cuộc chiến đã đến hồi quyết liệt, sóng nước “đánh hồi lùng, đánh đòn tỉa, đánh đòn âm” vào chỗ hiểm. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy “ngắn gọn tỉnh táo” của người cầm lái. Và ông lái đò đã phá xong cái “trùng vi thạch trận” vòng thứ nhất của thác sông Đà.

Không một chút nghỉ tay, ông lái đò tiếp tục phá luôn vòng vây thứ hai của thác sông Đà. Ở vòng thứ hai này, thác sông Đà lại “tăng thêm nhiều cửa tử” để đánh lừa con thuyền. Vẫn chỉ có một cửa sinh. Nếu ở vòng thứ nhất, cửa sinh nằm “lập lờ phía tả ngạn”, thì ở vòng thứ hai này, cửa sinh lại “bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn”. Đó chính là khó khăn, thách thức đối với người lái đò. Nhưng ông lái đò đã “thuộc qui luật phục kích” của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Ông hiểu rằng cưỡi lên thác sông Đà phải “cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ”.

Cuộc chiến của ông lái đò ở vòng thứ hai đã bắt đầu. Nắm chặt cái bờm sóng đúng luồng, ông đò ghì cương lái bám chắc lấy luồng nước đúng mà “phóng nhanh vào cửa sinh” rồi “lái miết một đường chéo” về phía cửa đá ấy. Thấy con thuyền tiến vào, bốn năm bọn thủy quân bên bờ trái liền “xô ra” định níu con thuyền “lôi vào tập đoàn cửa tử” mà tiêu diệt. Nhưng ông lái đò vẫn “nhớ mặt” bọn này, đứa thì ông tránh mà “rảo bơi chèo lên”, đứa thì ông “đè sấn lên mà chặt đôi ra” để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền, chỉ còn vẳng tiếng reo hò của của sóng thác luồng sinh. Tuy vậy, bọn chúng vẫn “không ngớt khiêu khích”, dù cái thằng đá tướng đứng ở cửa vào đã “tiu nghỉu cái mặt xanh lè” vì bị thua cái thuyền du kích nhỏ bé.

Vượt qua vòng thứ hai, ông lái đò còn phải vượt qua vòng thứ ba nữa. Ở vòng vây thứ ba này, thác Sông Đà ít cửa hơn nhưng bên phải bên trái đều là “luồng chết” cả. Cái “luồng sống” ở chặng thứ ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ. Ông lái đò đã hiểu điều đó. Ông cứ “phóng thẳng thuyền” chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền của ông đò “vút qua” cổng đá cánh mở cánh khép với ba tầng cửa: cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng.

Con thuyền của ông đò “như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái lượn được”. Vượt qua vòng vây thứ ba cũng là vượt qua hết thác sông Đà. Ông lái đò như một người chỉ huy lão luyện, đầy bản lĩnh và kinh nghiệm. Ông là một nghệ sĩ tài hoa với nghề vượt thác leo ghềnh.

Ông lái đò quả thật là một chiến tướng nhưng cũng là một tay lái tài hoa. Mỗi đường chèo của ông đều là nghệ thuật làm đẹp cho đời và trong lao động. Sau chiến thắng ông lái đò lại trở về với cuộc sống đời thường bình dị. Ông cùng với nhà đò “đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh…, cũng chả thấy ai bàn thêm lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi”. Bởi lẽ với họ những trận chiến như vừa rồi đã trở thành một phần trong cuộc sống của họ, có gì mà phải bàn tán, phải suy ngẫm, tất cả đã trở thành máu thịt, là sợi dây kết nối và gắn bó họ với nơi này.

Thông qua việc miêu tả trận thủy chiến tác giả Nguyễn Tuân đã cho người đọc thưởng thức cái “thú chơi ngôn từ” độc và lạ của ông. Một loạt các động từ được sử dụng dày đặc, kèm theo đó là hàng loạt các tính từ diễn tả cơn cuồng nộ của dòng Đà giang cũng như tài trí của ông lái đò. Đó là một cuộc hỗn chiến giữa người và sông nước đến nghẹt thở. Nguyễn Tuân còn vận dụng kiến thức của nhiều ngành nghề để soi chiếu đối tượng, tạo cảm giác về một trận thủy chiến đầy kịch tính, đầy sôi động và không hề kém phần hấp dẫn.

Để viết về dòng Đà giang và ông lái đò một cách cặn kẽ và chi tiết đến vậy thì không phải ai cũng có thể viết được, phải yêu, phải hiểu và gắn bó lắm mới viết được kĩ đến vậy. Điều này như một minh chứng chân thực cho sự hi sinh vì nghệ thuật của tác giả Nguyễn Tuân. Ông đã dành cả cuộc đời mình để đi tìm cái đẹp, cái thật trong con người và cuộc đời. Ông quan niệm rằng vẻ đẹp tài hoa của người nghệ sỹ không chỉ thể hiện trong lĩnh vực nghệ thuật mà nó còn được thể hiện trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống con người. Khi con người đạt đến trình độ điêu luyện trong công việc của mình thì khi đó vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ sẽ tỏa sáng.

Bài tùy bút của tác giả Nguyễn Tuân đã đưa người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác một cách tự nhiên đến lạ kì. Hình ảnh gợi ra xuyên suốt bài tùy bút là hình ảnh ông lái đò gạo cội và dòng sông Đà giang hung hãn nhưng cũng đồng thời gửi vào tâm trí độc giả một liên tưởng về một ông lái đò Nguyễn Tuân như một ông lái bậc thầy, ông lái con thuyền ngôn từ trên một dải sông văn chương không kém những thác ghềnh chông gai. Ông đã tạo nên một khúc khải hoàn ca về những con người lao động chân chính trong thời kì mới.